

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2022/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Văn Thao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư
2. Ông Vũ Văn Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Minh Trang - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; nơi cư trú: Đội 7 (nay là Khu 6), xã P, thành phố V, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt (có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn S; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có yêu cầu đề nghị Toà án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn S kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A1 (nay là huyện A), thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 09 ngày 06/4/1998. Sau khi kết hôn chị và anh S về chung sống tại gia đình anh S ở thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hoà thuận

hạnh phúc một thời gian ngắn đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có con chung. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng chị đã ly thân từ nhiều năm nay, không ai còn quan tâm và trách nhiệm gì với nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn S.

Về con chung: Chị và anh S không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn anh Phạm Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh S xác nhận về thời điểm vợ chồng kết hôn và quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được một thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có con chung như chị T trình bày là đúng. Vợ chồng anh đã sống ly thân từ nhiều năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh đồng ý vì tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được.

Về con chung: Anh và chị T không có con chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự đều chấp hành đúng quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phạm Văn S; về con chung và tài sản chung: Không xem xét giải quyết; về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Chị Bùi Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Phạm Văn S có địa chỉ: Thôn C, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Bùi Thị T và bị đơn anh Phạm Văn S đã được Toà án triệu tập đến phiên toà hợp lệ nhưng chị T và anh S đều có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử, căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh S.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị T và anh S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không có con chung, vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm nay, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, đủ căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh S.

[4] Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S không có con chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S không có tài sản chung, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn pháp luật quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Phạm Văn S.

2. Về con chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Bùi Thị T và anh Phạm Văn S không có tài sản chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí ly hôn chị Bùi Thị T đã nộp (Biên lai thu tiền số 0004252 ngày 01 tháng 8 năm 2022) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự An Dương;
- UBND xã Đ, huyện A (ĐKKH số ... ngày .../4/1998);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Văn Thao